|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **BẮC NINH**  **¯¯¯¯¯¯¯¯¯** | **ĐỀ ÔN TẬP SỐ …**  **KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023**  **Môn: Địa lí**  **Thời gian làm bài: 50 phút**  **¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯** |

**\* Giáo viên ra đề: Nguyễn Thị Sao**

**Đơn vị công tác:** **THPT Quế Võ số 1**

**\* Giáo viên thẩm định: Vũ Hữu Thuấn**

**Đơn vị công tác:THPT Lương Tài số 2**

**Câu 41:** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2020

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **In-đô-nê-xi-a** | **Cam-pu-chia** | **Ma-lai-xi-a** | **Phi-lip-pin** |
| Diện tích *(nghìn km2)* | 1916,9 | 181,0 | 330,3 | 300,0 |
| Dân số *(triệu người)* | 271,7 | 15,5 | 32,8 | 109,6 |

*(Nguồn: Niên giám thông kê Việt Nam 2020, NXB Thông kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có mật độ dân số thấp nhất?

**A.** In-đô-nê-xi-a. **B.** Cam-pu-chia. **C.** Ma-lai-xi-a. **D.** Phi-lip-pin.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Bắc?

**A.** Cà Mau. **B.** Sa Pa. **C.** Đà Nẵng. **D.** TP. Hồ Chí Minh.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết ngành chế biến thuỷ, hải sản có ở trung tâm nào sau đây?

**A.** Tây Ninh. **B.** Tân An. **C.** Bảo Lộc. **D.** Phan Thiết.

**Câu 44:** Nguồn nhiên liệu chủ yếu của các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc là

**A.** củi, gỗ. **B.** than. **C.** dầu. **D.** khí đốt.

**Câu 45:** Cho biểu đồ:

0396752282 Shape

Description automatically generated with medium confidence

0396752282 GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA CAM-PU-CHIA VÀ MI-AN-MA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi GDP bình quân đầu người của Cam-pu-chia và Mi-an-ma, giai đoạn 2015 - 2021?

**A.** Cam-pu-chia tăng nhanh hơn Mi-an-ma. **B.** Mi-an-ma tăng nhanh hơn Cam-pu-chia.

**C.** Mi-an-ma tăng nhiều hơn Cam-pu-chia. **D.** Cam-pu-chia giảm và Mi-an-ma tăng.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế?

**A.** Hải Phòng. **B.** Hà Nội. **C.** Đà Nẵng. **D.** Hạ Long.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành đóng tàu?

**A.** Biên Hòa. **B.** Cần Thơ. **C.** Thủ Dầu Một. **D.** Vũng Tàu.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết hồ Trị An thuộc lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

**A.** Sông Đồng Nai. **B.** Sông Thu Bồn. **C.** Sông Ba. **D.** Sông Cả.

**Câu 49:** Hoạt động công nghiệp của nước ta hiện nay

**A.** tập trung ở các đảo. **B.** chỉ có ở đồng bằng. **C.** đều khắp ở đồi núi. **D.** có ở nhiều nơi.

**Câu 50:** Việc ứng dụng công nghệ trồng trọt mới ở Đông Nam Bộ nhằm

**A.** giữ mực nước ngầm. **B.** bảo vệ rừng. **C.** tăng năng suất. **D.** chống phá rừng.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết tỉnh nào sau đây có sân bay Đông Tác?

**A.** Ninh Thuận. **B.** Khánh Hòa. **C.** Phú Yên. **D.** Bình Định.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết khai thác đá quý có ở tỉnh nào sau đây?

**A.** Thanh Hóa. **B.** Nghệ An. **C.** Hà Tĩnh. **D.** Quảng Bình.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết cảng nào sau đây là cảng sông?

**A.** Cửa Ông. **B.** Cái Lân. **C.** Kiên Lương. **D.** Trà Vinh.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết di sản văn hóa thế giới nào nằm trong trung tâm du lịch quốc gia?

**A.** Vịnh Hạ Long. **B.** Cố Đô Huế. **C.** Phố cổ Hội An. **D.** Di tích Mỹ Sơn.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào sau đây của Trung du và miền núi Bắc Bộ giáp biển?

**A.** Lạng Sơn. **B.** Quảng Ninh. **C.** Bắc Giang. **D.** Thái Nguyên.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào có giá trị sản xuất nhỏ nhất trong số các trung tâm sau đây?

**A.** Sóc Trăng. **B.** Vũng Tàu. **C.** Biên Hòa **D.** Thủ Dầu Một.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số từ 500 001 - 100 0000 người?

**A.** Thái Nguyên. **B.** Hải Phòng. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Biên Hòa.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào ở xa nhất về phía nam trong các tỉnh sau đây?

**A.** Vĩnh Long. **B.** Hậu Giang. **C.** Long An. **D.** Bạc Liêu.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi Lang Bian thuộc cao nguyên nào sau đây?

**A.** Mơ Nông. **B.** Di Linh. **C.** Lâm Viên. **D.** Kom Tum.

**Câu 60:** Biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản ở nước ta hiện nay là

**A.** định canh định cư. **B.** quản lí chặt chẽ. **C.** phòng chống ô nhiễm. **D.** đẩy mạnh trồng rừng.

**Câu 61:** Thiên tai nào ở nước ta mang tính bất thường và khó phòng tránh?

**A.** Bão. **B.** Ngập lụt. **C.** Động đất. **D.** Hạn hán.

**Câu 62:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào có sản lượng lúa thấp nhất trong các tỉnh sau đây?

**A.** Kiên Giang. **B.** Gia Lai. **C.** An Giang. **D.** Tiền Giang.

**Câu 63:** Việc phát triển cây công nghiệp ở nước ta hiện nay đang gặp khó khăn chủ yếu nào sau đây?

**A.** Thị trường thế giới có nhiều biến động. **B.** Mực nước ngầm hạ thấp vào mùa khô.

**C.** Lực lượng lao động có chuyên môn ít. **D.** Công nghiệp chế biến chưa phát triển.

**Câu 64:** Khó khăn nào sau đây là chủ yếu về tự nhiên ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động đánh bắt thủy sản xa bờ của nước ta hiện nay?

**A.** Nguồn lợi hải sản ven bờ ngày càng cạn kiệt. **B.** Hoạt động của bão, áp thấp nhiệt đới hàng năm.

**C.** Môi trường biển và hải đảo ngày càng ô nhiễm. **D.** Hoạt động của gió mùa Đông Bắc vào mùa đông.

**Câu 65:** Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong cơ cấu kinh tế nước ta tăng nhanh chủ yếu do

**A.** tận dụng tốt thế mạnh của nguồn lao động. **B.** đường lối mở cửa, hội nhập của nước ta.

**C.** Việt Nam trở thành thành viên của WTO. **D.** khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 66:** Thu nhập bình quân của người lao động nước ta thuộc loại thấp so với thế giới là do

**A.** phần lớn lao động làm trong ngành dịch vụ. **B.** năng suất lao động nước ta vẫn còn thấp.

**C.** lao động nước ta chỉ chuyên sâu một nghề. **D.** hoạt động trong ngành tiểu thủ công nghiệp.

**Câu 67:** Nghề làm muối của nước ta hiện nay

**A.** phát triển mạnh ở Đồng bằng sông Hồng. **B.** là một ngành kinh tế hiện đại, then chốt.

**C.** có nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ. **D.** thu hút nguồn lao động trình độ rất cao.

**Câu 68:** Vị trí địa lí làm cho nước ta phải giải quyết vấn đề kinh tế nào sau đây?

**A.** Trình độ phát triển kinh tế rất thấp. **B.** Cạnh tranh gay gắt với các nước trong khu vực.

**C.** Nợ nước ngoài nhiều và tăng nhanh. **D.** Tốc độ tăng trưởng kinh tế không ổn định.

**Câu 69:** Đô thị nước ta hiện nay

**A.** có sự khác nhau giữa các vùng. **B.** có số dân lớn hơn ở nông thôn.

**C.** hầu hết đều là thành phố rất lớn. **D.** tập trung dày đặc tại trung du.

**Câu 70:** Trở ngại lớn nhất của ngành giao thông vận tải đường bộ nước ta là

**A.** thiên tai thường xảy ra. **B.** thiếu nguồn vốn đầu tư.

**C.** lãnh thổ dài, hẹp ngang. **D.** địa hình bị chia cắt mạnh.

**Câu 71:** Giải pháp chủ yếu nào sau đây để phát triển nền kinh tế mở ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Đổi mới cơ chế quản lí, tăng cường thu hút đầu tư. **B.** Xây dựng kinh tế cửa khẩu, đẩy mạnh giao thương.

**C.** Phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường. **D.** Đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông, tăng liên kết vùng.

**Câu 72:** Sự phát triển nhanh chóng của ngành du lịch nước ta chủ yếu do

**A.** chính sách đổi mới, nền kinh tế phát triển. **B.** giao thông vận tải hiện đại, vốn đầu tư tăng.

**C.** mức sống nâng cao, nhu cầu du lịch tăng. **D.** nhu cầu du lịch tăng, tài nguyên phong phú.

**Câu 73:** Cho biểu đồ về diện tích và sản lượng cam, quýt của nước ta, giai đoạn 2015 - 2021:

0396752282 *A picture containing text, first-aid kit, vector graphics

Description automatically generated*

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Quy mô diện tích và sản lượng. **B.** Cơ cấu diện tích và sản lượng.

**C.** Tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng. **D.** Sự thay đổi cơ cấu diện tích và sản lượng.

**Câu 74:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở năng lượng của Tây Nguyên dựa trên nguồn thủy năng dồi dào là

**A.** phát triển hàng hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

**B.** khai thác lợi thế về thủy năng, tạo điều kiện khai thác khoáng sản.

**C.** mở rộng các cơ sở công nghiệp chế biến nông sản chính cho vùng.

**D.** thúc đẩy và tạo ra giai đoạn mới trong quá trình công nghiệp hóa.

**Câu 75:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** tạo ra các nghề mới và làm thay đổi bộ mặt nông thôn.

**B.** tạo nhiều sản phẩm hàng hóa và giải quyết thực phẩm.

**C.** thu hút các nguồn đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**D.** góp phần phát triển công nghiệp và phân hóa lành thổ.

**Câu 76:** Sản lượng tôm nuôi của Đồng bằng sông Cửu Long tăng mạnh trong thời gian gần đây chủ yếu do

**A.** phát triển trang trại lớn, áp dụng kĩ thuật mới, mở rộng thị trường.

**B.** diện tích biển rộng, khí hậu thuận lợi, công nghệ chế biến hiện đại.

**C.** chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nhiều rừng ngập mặn, lao động dồi dào.

**D.** thích ứng với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh chế biến, nhiều cửa sông.

**Câu 77:** Việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp trọng điểm ở Đồng bằng sông Hồng nhằm mục đích chủ yếu là

**A.** khai thác hợp lí tài nguyên và lợi thế về nguồn lao động.

**B.** sử dụng hiệu quả nguồn lao động và cơ sở vật chất kĩ thuật.

**C.** sử dụng hiệu quả các thế mạnh tự nhiên và nguồn nhân lực.

**D.** sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực và thu hút vốn nước ngoài.

**Câu 78:** Ý nghĩa chủ yếu của việc trồng cây công nghiệp lâu năm theo hướng tập trung ở Bắc Trung Bộ là

**A.** đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, khai thác tốt hơn các thế mạnh.

**B.** tạo nguồn nguyên liệu để chế biến, giải quyết vấn đề việc làm.

**C.** sử dụng hợp lí tự nhiên, giảm tác hại của các cơn lũ đột ngột.

**D.** thu hút nguồn vốn đầu tư, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế.

**Câu 79:** Sự phân hóa thiên nhiên theo Đông - Tây ở nước ta chủ yếu chịu tác động của

**A.** các quá trình nội lực, biển, gió mùa và hướng các dãy núi.

**B.** quá trình xâm thực ở đồi núi, bồi tụ nhanh các đồng bằng.

**C.** hình dạng lãnh thổ, gió đông bắc, tây nam và địa hình núi.

**D.** Tín phong bán cầu Bắc, gió mùa mùa hạ, địa hình đồi núi.

**Câu 80:** Cho bảng số liệu:

0396752282 SỐ DÂN NƯỚC TA PHÂN THEO GIỚI TÍNH, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Đơn vị: triệu người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2021** |
| Nam | 45,8 | 46,8 | 48 | 49,1 |
| Nữ | 46,5 | 47,4 | 48,5 | 49,4 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

Theo bảng số liệu, để so sánh số dân Nam và số dân Nữ nước ta qua các năm, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Cột. **B.** Tròn. **C.** Kết hợp. **D.** Miền.

III. ĐÁP ÁN

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 41 | 42 | 43 | 44 | 45 | 46 | 47 | 48 | 49 | 50 |
| B | B | D | B | A | D | D | A | D | C |
| 51 | 52 | 53 | 54 | 55 | 56 | 57 | 58 | 59 | 60 |
| C | B | D | B | B | A | D | D | C | B |
| 61 | 62 | 63 | 64 | 65 | 66 | 67 | 68 | 69 | 70 |
| C | B | A | B | B | B | C | B | A | D |
| 71 | 72 | 73 | 74 | 75 | 76 | 77 | 78 | 79 | 80 |
| D | A | A | B | B | A | C | A | A | A |

IV. ĐÁP ÁN CHI TIẾT CÂU VẬN DỤNG VÀ VẠN DỤNG CAO.

**Câu 71:** Giải pháp chủ yếu nào sau đây để phát triển nền kinh tế mở ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Đổi mới cơ chế quản lí, tăng cường thu hút đầu tư. **B.** Xây dựng kinh tế cửa khẩu, đẩy mạnh giao thương.

**C.** Phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường. **D.** Đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông, tăng liên kết vùng.

Do Trung du và miền núi Bắc Bộ có vị trí đặc biệt quan trọng, giao thông vận tải đang được đầu tư nâng cấp, nên thuận lợi cho giao lưu với các vùng khác trong nước và xây dựng nền kinh tế mở nên chọn đáp án D là đúng

**Câu 72:** Sự phát triển nhanh chóng của ngành du lịch nước ta chủ yếu do

**A.** chính sách đổi mới, nền kinh tế phát triển. **B.** giao thông vận tải hiện đại, vốn đầu tư tăng.

**C.** mức sống nâng cao, nhu cầu du lịch tăng. **D.** nhu cầu du lịch tăng, tài nguyên phong phú.

Do nền kinh tế phát triển nên làm cho mức sống của người dân tăng, nhu cầu du lịch lớn, có điều kiện đầu tư cơ sở hạ tầng. Có chính sách đổi mới nên thu hút được đầu tư vào phát triển du lịch nên chọn đáp án A

**Câu 73:** Cho biểu đồ về diện tích và sản lượng cam, quýt của nước ta, giai đoạn 2015 - 2021:

Do đây là biểu đồ kết hợp nên không thể hiện được tốc độ tăng trưởng, cơ cấu mà chỉ thể hiện được qui mô của đối tượng nên chọn đáp án A

**Câu 74:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở năng lượng của Tây Nguyên dựa trên nguồn thủy năng dồi dào là

**A.** phát triển hàng hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

**B.** khai thác lợi thế về thủy năng, tạo điều kiện khai thác khoáng sản.

**C.** mở rộng các cơ sở công nghiệp chế biến nông sản chính cho vùng.

**D.** thúc đẩy và tạo ra giai đoạn mới trong quá trình công nghiệp hóa.

Tây Nguyên là vùng có tiềm năng thủy điện nên khi phát triển năng lượng sẽ góp phần khai thác được tiềm năng của vùng và Tây Nguyên thiếu năng lượng để khai thác khoáng sản nên khi khai thác được thủy điện thì sẽ tạo điều kiện khai thác được boxit của vùng nên chọn đáp B

**Câu 75:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** tạo ra các nghề mới và làm thay đổi bộ mặt nông thôn.

**B.** tạo nhiều sản phẩm hàng hóa và giải quyết thực phẩm.

**C.** thu hút các nguồn đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**D.** góp phần phát triển công nghiệp và phân hóa lành thổ.

Ý nghĩa quan trọng nhất của phát triển thủy sản là giá trị kinh tế nên muốn phát triển được kinh tế thì phải tạo ra được sản phẩm hàng hóa. Vùng khó khăn trong giải quyết vấn đề lương thực nên để đảm bảo thực phẩm thì đẩy mạnh phát triển thủy sản là một giải pháp nên chọn đáp án B

**Câu 76:** Sản lượng tôm nuôi của Đồng bằng sông Cửu Long tăng mạnh trong thời gian gần đây chủ yếu do

**A.** phát triển trang trại lớn, áp dụng kĩ thuật mới, mở rộng thị trường.

**B.** diện tích biển rộng, khí hậu thuận lợi, công nghệ chế biến hiện đại.

**C.** chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nhiều rừng ngập mặn, lao động dồi dào.

**D.** thích ứng với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh chế biến, nhiều cửa sông.

Để tăng sản lượng thì phải sản xuất trên qui mô lớn, áp dụng kĩ thuật mới nhưng đồng thời phải có được thị trường tiêu thụ sản phẩm nên chọn đáp án A

**Câu 77:** Việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp trọng điểm ở Đồng bằng sông Hồng nhằm mục đích chủ yếu là

**A.** khai thác hợp lí tài nguyên và lợi thế về nguồn lao động.

**B.** sử dụng hiệu quả nguồn lao động và cơ sở vật chất kĩ thuật.

**C.** sử dụng hiệu quả các thế mạnh tự nhiên và nguồn nhân lực.

**D.** sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực và thu hút vốn nước ngoài.

Đồng bằng sông Hồng là vùng có thế mạnh sản xuất nông nghiệp có nguồn lao động dồi dào do dân đông nên đẩy mạnh phát triển công nghiệp trọng điểm sẽ giải quyết được các vấn đề của vùng. Nên chọn đáp án C

**Câu 78:** Ý nghĩa chủ yếu của việc trồng cây công nghiệp lâu năm theo hướng tập trung ở Bắc Trung Bộ là

**A.** đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, khai thác tốt hơn các thế mạnh.

**B.** tạo nguồn nguyên liệu để chế biến, giải quyết vấn đề việc làm.

**C.** sử dụng hợp lí tự nhiên, giảm tác hại của các cơn lũ đột ngột.

**D.** thu hút nguồn vốn đầu tư, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế.

Bắc Trung Bộ có phần đồi núi phía tây có đất đỏ badan nên có điều kiện phát triển cây công nghiệp lâu năm. Khi trồng tập trung trên qui mô lớn thì sẽ sản xuất ra khối lượng sản phẩm lớn và góp phần sử dụng hợp lí diện tích đất badan nên đáp án A là đúng

**Câu 79:** Sự phân hóa thiên nhiên theo Đông - Tây ở nước ta chủ yếu chịu tác động của

**A.** các quá trình nội lực, biển, gió mùa và hướng các dãy núi.

**B.** quá trình xâm thực ở đồi núi, bồi tụ nhanh các đồng bằng.

**C.** hình dạng lãnh thổ, gió đông bắc, tây nam và địa hình núi.

**D.** Tín phong bán cầu Bắc, gió mùa mùa hạ, địa hình đồi núi.

Đi từ Đông sang Tây lãnh thổ nước ta có sự phân hóa thiên nhiên do phía Đông chịu tác động yếu của vận động tạo núi Anpơ - Himalaya còn phía Tây chịu tác động mạnh và do vị trí gần hay xa biển nên cũng ảnh hưởng tới điều kiện tự nhiên. Gió mùa và hướng các dãy núi cũng ảnh hưởng tới khí hậu rõ rệt giữa phía đông và phía tây nên đáp án đúng là A.

**Câu 80:** Cho bảng số liệu:

0396752282 SỐ DÂN NƯỚC TA PHÂN THEO GIỚI TÍNH, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Đơn vị: triệu người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2021** |
| Nam | 45,8 | 46,8 | 48 | 49,1 |
| Nữ | 46,5 | 47,4 | 48,5 | 49,4 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

Theo bảng số liệu, để so sánh số dân Nam và số dân Nữ nước ta qua các năm, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Cột. **B.** Tròn. **C.** Kết hợp. **D.** Miền.

Để thể hiện sự so sánh các đối tượng thì biểu đồ thích hợp nhất là cột nên chọn đáp án A